

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 08/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Bà Bùi Thị Thiềm.
 - Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.
- Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện K, xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1971
Nơi cư trú: Số nhà 63 Săm Brăm, Phường Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
 - Bị đơn: Ông Y L Hm, sinh năm 1968, bà H’ BK, sinh năm 1974.
Nơi cư trú: Buôn K, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:

Qua quan hệ quen biết thì ngày 10/6/2018, ông T cho ông Y L H m, bà H’ BK vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả nợ là 01 tháng. Khi cho vay hai bên có viết giấy tờ nhưng nội dung trong giấy thể hiện việc ông T mua 03 con bò của ông Y L H m, bà H’ BK là để làm tin, thực tế không có việc mua bán bò. Đến hạn ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Y L H m, bà H’ B K trả nợ nhưng không được. Nay ông T đề

ngợi Tòa án giải quyết buộc ông Y L H m, bà H' BK phải trả cho ông T 26.000.000đ, Trong đó số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 6.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2020 và ngày 31/7/2020 ông Y L H m, bà H' BK trình bày:

Vợ chồng ông Y L H m, bà H' BK có vay của ông T nhiều lần, đến ngày 10/6/2018 thì chốt nợ số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả 01 tháng. Khi chốt nợ có viết giấy mua bán bò để làm tin, nội dung là ông Y L H m, bà H' BK bán cho ông T 03 con bò trị giá 20.000.000đ nhưng thực tế là không có việc mua bán bò. Vợ chồng Ông Y L H m, bà H' BK đều ký vào trong giấy. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả tiền được cho ông T. Ông Y L H m, bà H' BK đồng ý trả nợ cho ông T số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi 01%/tháng kể từ ngày 10/6/2018 đến khi trả hết nợ.

Sau khi lên Tòa án làm việc thì ông Y L H m, bà H' BK có đơn xin xét xử vắng mặt

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông Y L H m, bà H' BK phải trả nợ cho nguyên đơn ông Trần Xuân T số tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi là 6.000.000đ, ông Y L H m, bà H' BK còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Do ông Y L H m, bà H' BK có sổ hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Y L H m, bà H' BK.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Xuân T cho bị đơn ông Y L H m, bà H' BK vay tiền; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại buôn K, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Y L H m, bà H' BK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Xuân T yêu cầu ông Y L H m, bà H' BK phải trả cho ông T số tiền gốc là 20.000.000đ. HĐXX nhận thấy, giữa hai bên khi vay tiền có viết giấy mua bán bò với nội dung ông Y L H m, bà H' BK bán cho ông T 03 con bò trị giá 20.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại Tòa án các bên đã thừa nhận thực tế không có việc mua bán bò mà ông T cho ông Y L H m, bà H' BK vay số tiền 20.000.000đ, việc viết giấy bán bò là để làm tin. Ông Y L H m, bà H' BK thừa nhận có ký vào giấy bán bò.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, ông Y L H m, bà H' BK không trả nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Y L H m, bà H' BK phải trả cho ông Trần Xuân T số tiền gốc 20.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về lãi xuất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 20.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 10/6/2018 là 6.000.000đ. Xét thấy trong giấy vay tiền (giấy bán bò) thì các đương sự không thỏa thuận lãi suất và nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn buộc ông Y L H m, bà H' BK phải trả cho ông T số tiền lãi là 6.000.000đ.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do bị đơn ông Y L H m, bà H' BK có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo nên miễn án phí DSST cho bị đơn Ông Y L H m, bà H' BK .

Nguyên đơn ông Trần Xuân T không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ Điều 12

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T.

Buộc ông Y L H m, bà H' BK phải trả cho ông Trần Xuân T tổng số tiền 26.000.000đồng. Trong đó số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 6.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí: Miễn án phí DSST cho Ông Y L H m, bà H' BK. Hoàn trả cho ông Trần Xuân T số tiền tạm ứng án phí 650.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 0003723 ngày 11 tháng 2 năm 2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn